

BÁO CÁO
Về tình hình thực hiện tài chính ngân sách 6 tháng đầu năm
và dự kiến cả năm 2022

Căn cứ chương trình kỳ họp thứ sáu, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo tình hình thực hiện tài chính ngân sách 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2022 như sau:

A) TÌNH HÌNH PHÂN BỐ, GIAO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

Năm 2022, là năm thứ hai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, là năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách Nhà nước giai đoạn 2022-2025, Hội đồng nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu thu ngân sách Nhà nước (NSNN) trên địa bàn là 11.048 tỷ đồng, trong đó: thu nội địa là 10.998 tỷ đồng; thu xuất nhập khẩu là 50 tỷ đồng. Tổng chi ngân sách địa phương là 15.363 tỷ đồng, trong đó: chi đầu tư phát triển là 5.124 tỷ đồng; chi thường xuyên là 9.949 tỷ đồng. (bao gồm nguồn kinh phí Trung ương bổ sung có mục tiêu).

Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán NSNN và phân bổ ngân sách địa phương (NSĐP) năm 2022; Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao dự toán thu; dự toán thu, chi; phân bổ chi ngân sách địa phương năm 2022 cho các sở ban ngành tỉnh và địa phương đảm bảo thời gian và thực hiện công khai dự toán NSNN theo quy định.

B) TÌNH HÌNH ƯỚC THỰC HIỆN THU, CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

I. VỀ THU NGÂN SÁCH

Ước tổng thu ngân sách trên địa bàn 6 tháng đầu năm là 6.098 tỷ đồng, đạt 55,2% so với dự toán HĐND tỉnh, tăng 6,99% so với cùng kỳ (thực hiện 5 tháng thu 5.578 tỷ đồng, đạt 50,5% dự toán. Tuy nhiên, theo số liệu tabmis, tổng thu ngân sách đến hết ngày 30/6/2022 là 6.395 tỷ đồng, đạt 57,88% so dự toán, tăng 12,20% so cùng kỳ). Gồm:

1. Thu nội địa: ước thu 6.050 tỷ đồng, đạt 55% dự toán và tăng 6,6% so cùng kỳ. Trong đó: nếu loại trừ tiền sử dụng đất và thu xổ số kiến thiết thì thu nội địa là 4.870 tỷ đồng, đạt 60,1% dự toán và tăng 17,3% so cùng kỳ. Trong đó, ước giảm thu do các chính sách miễn, giảm thuế khoảng 170 tỷ đồng.

a) Có 07/15 khoản thu, sắc thuế¹ đạt từ 50% trở lên so dự toán, cụ thể như sau:

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: ước thu 274 tỷ đồng, đạt 99,6% so dự toán và tăng 98,7% so cùng kỳ. Nguyên nhân khu vực này đạt cao là nhờ tháng 02/2022 phát sinh khoản thu đột biến về thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chuyển nhượng vốn của Công ty Cổ phần Lan Anh Phú Quốc là 182 tỷ đồng.

- Khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh: ước thu 2.745 tỷ đồng, đạt 74,3% so dự toán và tăng 52,3% so cùng kỳ. Nguyên nhân khu vực này đạt cao chủ yếu là từ lĩnh vực kinh doanh bất động sản như: nộp nợ gia hạn năm 2021 chuyển sang, số quyết toán năm 2021 và số phát sinh phải nộp 6 tháng đầu năm tăng đột biến. Ước 6 tháng thu từ kinh doanh bất động sản 1.470 tỷ đồng, đạt 147% dự toán (1.000 tỷ đồng), gồm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Mặt Trời Phú Quốc nộp 608 tỷ đồng (trong đó, thu nợ gia hạn năm 2021 chuyển sang 110 tỷ đồng), Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bim Kiên Giang nộp 352 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Bất động sản Hưng Phát Phú Quốc nộp 317 tỷ đồng, Công ty Trách nhiệm hữu hạn bất động sản Newvision nộp 68 tỷ đồng,...

- Thuế thu nhập cá nhân: ước thu 725 tỷ đồng, đạt 69% so dự toán và tăng 19,7% so cùng kỳ. Nguyên nhân nhờ chủ động thực hiện các biện pháp quản lý và đôn đốc thu kịp thời số thuế phải nộp từ quyết toán thu nhập từ tiền lương, tiền công; phát sinh tăng đột biến và chống thất thu thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản; đồng thời thuế thu nhập cá nhân từ trúng thưởng phát sinh cao so dự toán.

- Thu lệ phí trước bạ: ước thu 255 tỷ đồng, đạt 67,1% so dự toán và tăng 18,1% so cùng kỳ. Nguyên nhân là nhờ hoạt động mua sắm, chuyển nhượng bất động sản tăng trong những tháng đầu năm và thực hiện chính sách kích cầu của Chính phủ về giảm 50% lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước.

¹ Hết ngày 30/6/2022 có 10/15 khoản thu, sắc thuế đạt từ 50% trở lên, gồm: doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 104,42%; khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh 74,39%; thuế thu nhập cá nhân 72,54%; thu lệ phí trước bạ 72,65%; phí và lệ phí 58,64%; thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản 62,82%; thu từ hoạt động xổ số kiến thiết 50,81%; doanh nghiệp Nhà nước địa phương 51,03%; thu khác ngân sách 50,47%; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 58,15%.

- Phí và lệ phí: ước thu 96 tỷ đồng, đạt 56,5% so dự toán và bằng 89,9% so cùng kỳ. Nguyên nhân đạt cao chủ yếu là nhờ chủ động thu kịp thời bộ lệ phí môn bài.

- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: ước thu 21 tỷ đồng, đạt 52,5% dự toán và bằng 72,4% so cùng kỳ.

- Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết: ước thu 800 tỷ đồng, đạt 50% dự toán và bằng 68,8% so cùng kỳ.

b) Tuy nhiên, có 08/15 khoản thu, sắc thuế đạt dưới 50% so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Cụ thể là:

- Doanh nghiệp Nhà nước Trung ương: ước thu 220 tỷ đồng, đạt 44,9% dự toán và bằng 89,2% so cùng kỳ.

- Doanh nghiệp Nhà nước địa phương: ước thu 100 tỷ đồng, đạt 48,8% dự toán và tăng 2,6% so cùng kỳ.

Nguyên nhân chủ yếu các khoản thu này không đạt tiến độ so dự toán là do vẫn còn ảnh hưởng của dịch Covid-19 làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh của một số ngành, lĩnh vực chậm phục hồi; lĩnh vực xây dựng cơ bản chậm giải ngân. Bên cạnh đó, do thực hiện các chính sách của Quốc hội và Chính phủ về các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh như chính sách miễn, giảm, gia hạn nộp thuế đã làm giảm nguồn thu trong 6 tháng đầu năm.

- Tiền sử dụng đất: ước thu 380 tỷ đồng, đạt 29,2% dự toán và tăng 5,7% so cùng kỳ.

- Tiền thuê đất: ước thu 190 tỷ đồng, đạt 17,1% dự toán và bằng 47,6% so cùng kỳ.

Nguyên nhân hai khoản thu từ đất trên chưa đạt dự toán là do các dự án có nguồn thu lớn trên địa bàn thành phố Phú Quốc chưa hoàn chỉnh hồ sơ để trình ban hành giá giao đất, cho thuê đất nên chưa triển khai thu nộp và ghi thu vào NSNN theo dự kiến như: khu biệt thự cao cấp Village Búng Gội, khu biệt thự cao cấp Riverside, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Mặt Trời Phú Quốc, Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang (khu đô thị 67,5 ha),...

- Thuế bảo vệ môi trường: ước thu 97 tỷ đồng, đạt 34,6% so dự toán và bằng 35,4% so cùng kỳ. Nguyên nhân thuế bảo vệ môi trường đạt thấp là do: mức thu thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay giảm từ 3.000 đồng/lít

xuống còn 1.500 đồng/lít theo Nghị quyết số 13/2021/UBTVQH15 và mức thu thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu giảm từ 50% đến 70% so mức thu hiện hành theo Nghị quyết số 18/2022/UBTVQH15 (ước giảm thuế bảo vệ môi trường 6 tháng đầu năm là 50 tỷ đồng); đồng thời tình hình dịch bệnh những tháng đầu năm vẫn còn làm hạn chế/giảm các chuyến bay nội địa, quốc tế, làm giảm sản lượng tiêu thụ nhiên liệu bay; 6 tháng đầu năm giá xăng dầu biến động liên tục theo chiều hướng tăng ảnh hưởng đến sản lượng nhập về của các doanh nghiệp đầu mối.

- Thu khác ngân sách: ước thu 146 tỷ đồng, đạt 37,5% dự toán và bằng 65,3% so cùng kỳ. Nguyên nhân đạt thấp so dự toán là do phát sinh thấp hơn dự kiến.

- Thu cổ tức, lợi nhuận còn lại: ước thu 400 triệu đồng, đạt 2,7% dự toán và bằng 3,3% so cùng kỳ. Nguyên nhân do Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang kinh doanh bị lỗ và các đơn vị chưa chia cổ tức.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: ước thu 350 triệu đồng, đạt 35% dự toán và bằng 50,7% so cùng kỳ.

2. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: ước 6 tháng đầu năm 2022 thu 48 tỷ đồng, đạt 96% so dự toán, bằng 183,7% so cùng kỳ. Nguyên nhân đạt cao chủ yếu là phát sinh nhập khẩu máy móc, thiết bị của các dự án trên địa bàn thành phố Phú Quốc.

II. VỀ CHI NGÂN SÁCH

Ước thực hiện tổng chi ngân sách địa phương 6 tháng 5.940,6 tỷ đồng, đạt 38,67% so dự toán (thực hiện 5 tháng tổng chi 4.701 tỷ đồng, đạt 30,6% so dự toán), trong đó:

1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản

Tổng giá trị giải ngân 6 tháng đầu năm ước là 1.410,2 tỷ đồng, đạt 27,52% so dự toán (số thực tế tại Kho bạc Nhà nước Kiên Giang đến ngày 30/6/2022 là 1.752,162 tỷ đồng, đạt 34,19% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ năm 2021 là 14,43%). Bao gồm: vốn cân đối ngân sách địa phương theo tiêu chí, định mức 327,3 tỷ đồng, đạt 32,1%; chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất 190,9 tỷ đồng, đạt 14,68%; chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết 509,9 tỷ đồng, đạt 31,87%; chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương 11,1 tỷ

đồng, đạt 100%; chi đầu tư từ nguồn Trung ương đầu tư có mục tiêu 371,1 tỷ đồng, đạt 31,1%.

2. Chi thường xuyên

Chi thường xuyên ước thực hiện 6 tháng 4.453,8 tỷ đồng, đạt 44,8% so dự toán (thực hiện 5 tháng chi 3.769 tỷ đồng, đạt 37,9% so dự toán). Bao gồm:

a) *Chi cân đối ngân sách địa phương*: ước thực hiện 6 tháng 4.422 tỷ đồng, đạt 44,8% (thực hiện 5 tháng chi 3.748 tỷ đồng, đạt 38% so dự toán). Trong đó chi tiết một số lĩnh vực chi như sau:

- Chi sự nghiệp y tế 599 tỷ đồng, đạt 52,9%. Trong đó, tập trung chi thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19; đảm bảo chi cho công tác khám chữa bệnh, mua bảo hiểm y tế kịp thời cho các đối tượng được ngân sách Nhà nước hỗ trợ,....

- Chi quốc phòng - an ninh 159 tỷ đồng, đạt 54,2%. Trong đó, chi an ninh, đảm bảo các khoản chi thực hiện đề án, kế hoạch bảo đảm an ninh trật tự, đề án công an xã, kinh phí đối ngoại, thực hiện nhiệm vụ an ninh, giữ gìn an ninh trật tự xã hội,...; chi quốc phòng, đảm bảo các khoản chi huấn luyện, trang phục, công cụ lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên, sẵn sàng chiến đấu; công tác tuyên quân, quy tập hài cốt liệt sĩ; hoạt động các chốt dân quân tự vệ;...

- Chi quản lý hành chính, Nhà nước, Đảng, đoàn thể 829 tỷ đồng, đạt 50,4%. Cơ bản đảm bảo kinh phí chi hoạt động và tiền lương của các cơ quan Đảng, đoàn thể, quản lý Nhà nước; thực hiện chi trả chế độ nghỉ việc theo quy định,...

- Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo 1.648 tỷ đồng, đạt 43,9%. Sáu tháng đầu năm cơ bản đảm bảo kinh phí tập trung phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng đào tạo; đảm bảo kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập; kinh phí hoạt động các cơ sở giáo dục, đào tạo theo quy định;... Tuy nhiên, lĩnh vực chi này chưa đạt 50% dự toán do các cơ quan, đơn vị, địa phương mới bắt đầu triển khai thực hiện mở các lớp đào tạo của ngành, địa phương từ quý II/2022 từ nguồn kinh phí đào tạo.

- Chi sự nghiệp kinh tế 600 tỷ đồng, đạt 30,9%. Nguyên nhân đạt thấp là do một số công trình, dự án sử dụng nguồn kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ

công ích thủy lợi²; kinh phí hỗ trợ sản xuất lúa theo các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 và Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019³ triển khai chậm (về công tác chuẩn bị đầu tư; thẩm định thiết kế - dự toán và thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật; lựa chọn nhà thầu; giải ngân vốn) và một số đề án, chương trình của ngành lâm nghiệp, nông nghiệp, giao thông... cũng đang trong giai đoạn chuẩn bị triển khai thực hiện.

- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ 16,139 tỷ đồng, đạt 28,9% và chi sự nghiệp môi trường 76,802 tỷ đồng, đạt 28,4%. Nguyên nhân đạt thấp là do công tác chuẩn bị, triển khai chưa tốt, phân bổ kinh phí cho các đề tài, dự án còn chậm như: việc hoàn chỉnh đề cương và báo cáo nghiệm thu kết quả thực hiện đề tài, dự án; một số đơn vị chủ trì, chủ nhiệm đề tài, dự án chưa quan tâm đôn đốc đơn vị thực hiện và hoàn thành theo đúng thời gian làm ảnh hưởng đến việc giải ngân nguồn kinh phí.

b) Chi sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu: 31,8 tỷ đồng, đạt 40%.

3. Tình hình sử dụng nguồn dự phòng ngân sách năm 2021

Năm 2022, dự toán dự phòng ngân sách địa phương là 288,983 tỷ đồng, trong đó: ngân sách cấp tỉnh 158,707 tỷ đồng; ngân sách cấp huyện và xã 130,276 tỷ đồng. Tổng số dự phòng đã sử dụng trong 6 tháng đầu năm là 61,640 tỷ đồng do các huyện, thành phố chi (chủ yếu chi thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19); đối với dự phòng ngân sách tỉnh, hiện nay UBND tỉnh đang trình cấp có thẩm quyền cho chủ trương sử dụng 15 tỷ đồng để chuyển vốn ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh hỗ trợ vay vốn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị quyết số 232/2019/NQ-HĐND ngày 26/7/2019 của HĐND tỉnh. Dự phòng được chi chủ yếu cho công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19; chuyển vốn ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thành phố; chi an ninh, quốc phòng; chi một số nhiệm vụ cấp thiết phát sinh ngoài dự toán,...

III. THỰC HIỆN MỘT SỐ LĨNH VỰC TÀI CHÍNH KHÁC

1. Kết quả triển khai thực hiện hỗ trợ chính sách cho người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19.

² Đối với kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: ước thực hiện 6 tháng đầu năm giải ngân 51,616 tỷ đồng/204,649 tỷ đồng, đạt 25% so dự toán kinh phí đã phân bổ.

³ kinh phí hỗ trợ sản xuất lúa: ước thực hiện 6 tháng đầu năm giải ngân 77,782 tỷ đồng/254,575 tỷ đồng, đạt 31% so dự toán kinh phí đã phân bổ.

a) Kết quả thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19: tổng số kinh phí đã bổ sung và tạm ứng đến thời điểm báo cáo là 988,705 tỷ đồng để thực hiện chính sách hỗ trợ cho 630.527 đối tượng. Đến ngày 15/5/2022, đã phê duyệt hỗ trợ cho các nhóm chính sách với tổng số 496.185 đối tượng, số tiền là 689 tỷ đồng; đã chi hỗ trợ cho 356.651 người, số tiền là 535 tỷ đồng (chi đạt tỷ lệ 72% so với số phê duyệt hỗ trợ).

b) Kết quả thực hiện Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 24/9/2021 của Chính phủ về các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 từ Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp: đến ngày 15/5/2022 đã phê duyệt hỗ trợ cho 72.458 người với số tiền là 168 tỷ đồng; đã tổ chức chi hỗ trợ cho 70.201 người, số tiền là 161 tỷ đồng (chi đạt tỷ lệ 96% so với số phê duyệt hỗ trợ).

c) Về kết quả thực hiện Quyết định số 2727/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của UBND tỉnh về việc hỗ trợ người dân tỉnh Kiên Giang trở về từ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có dịch Covid-19, gặp khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19: đến nay 15/15 huyện, thành phố đã chi hỗ trợ cho 40.140 người với số tiền 60 tỷ đồng trên tổng số đối tượng được hỗ trợ là 41.759 người với số tiền 62,6 tỷ đồng (mức 1,5 triệu đồng/người), đạt tỷ lệ 96%.

d) Về kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ tiền nhà trọ theo Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động: UBND tỉnh đã tạm ứng kinh phí hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động cho 34.687 đối tượng, số tiền 72,588 tỷ đồng. Hiện nay, các huyện, thành phố đang triển khai thực hiện quy trình, thủ tục theo quy định.

2. Về kết quả thực hiện kinh phí trợ giúp đối tượng bảo trợ xã hội

Năm 2022, dự toán kinh phí để thực hiện trợ giúp đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội là 340,443 tỷ đồng từ nguồn kinh phí Trung ương giao cân đối ngay đầu năm. Tính đến nay, tỉnh đã phân bổ và chuyển hết số kinh phí Trung ương giao nêu trên về cho các địa phương, đơn vị thực hiện, trong đó: cấp tỉnh 43,966 tỷ đồng; các huyện, thành phố 296,477 tỷ đồng. Ước thực hiện 6 tháng đầu năm giải ngân 196,804 tỷ

đồng/296,477 tỷ đồng, đạt 66,3% so với số phân bổ đầu năm. Các địa phương cơ bản đã triển khai thực hiện trợ cấp xã hội kịp thời cho các đối tượng, góp phần giúp các đối tượng ổn định cuộc sống.

3. Về kết quả thực hiện mua bảo hiểm y tế cho các đối tượng được ngân sách Nhà nước hỗ trợ

Thực hiện 06 tháng đầu năm 2022, ngân sách đã cấp và hỗ trợ 714.568 thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng với số tiền là 245 tỷ đồng/528 tỷ đồng, đạt 46,40% dự toán, (bao gồm: số thẻ đã phát hành cho các đối tượng trẻ em dưới 6 tuổi 159.594 thẻ, người nghèo 25.616 thẻ, dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn 8.643 thẻ, người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn 68.134 thẻ, người trên 80 tuổi đang hưởng trợ cấp 382 thẻ, người hiến tặng bộ phận cơ thể người 18 thẻ, người cận nghèo 49.646 thẻ, học sinh, sinh viên 186.460 thẻ, hộ gia đình làm nông, lâm, ngư, diêm nghiệp có mức sống trung bình 26.834 thẻ, người dân đang sinh sống tại xã đảo, huyện đảo 126.893 thẻ, tự nguyện 21.410 thẻ, và trợ cấp xã hội 40.937 thẻ).

Việc mua bảo hiểm y tế cho các đối tượng nêu trên đã được ngân sách tỉnh chuyển kinh phí kịp thời cho cơ quan bảo hiểm xã hội. Với sự hỗ trợ thêm 10% mức đóng bảo hiểm y tế cho đối tượng học sinh, sinh viên; hộ gia đình làm nông, lâm, ngư, diêm nghiệp có mức sống trung bình và 30% mức đóng bảo hiểm y tế cho đối tượng người cận nghèo; hộ nghèo đa chiều không thiếu hụt dịch vụ bảo hiểm y tế đã góp phần nâng cao tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế.

4. Kết quả thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định về chính sách phát triển giáo dục mầm non

Sáu tháng đầu năm 2022, tổng kinh phí thực hiện chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ là 10,85 tỷ đồng, trong đó: kinh phí hỗ trợ chi phí học tập 8,17 tỷ đồng, cho 10.742 đối tượng; kinh phí miễn giảm học phí là 2,68 tỷ đồng, cho 8.360 đối tượng. Đối với kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non, 6 tháng đầu năm chi 3,84 tỷ

đồng, trong đó: tiền ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo là 3,62 tỷ đồng, cho 3.570 đối tượng; chính sách đối với giáo viên mầm non là 0,22 tỷ đồng, cho 238 đối tượng.

5. Về kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Bộ Tài chính

Đến thời điểm ngày 30/5/2022, đối với các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước từ năm 2015 đến năm 2020, tỉnh đã thực hiện theo kiến nghị xử lý các khoản chênh lệch thu, chi ngân sách Nhà nước và các khoản xử lý tài chính khác với tổng số tiền là 1.103,515 tỷ đồng/1.181,217 tỷ đồng, đạt 93,42%. Đối với kiến nghị xử lý của Thanh tra Bộ Tài chính năm 2016, tỉnh đã thực hiện theo kiến nghị xử lý với tổng số tiền là 127,874 tỷ đồng/144,578 tỷ đồng, đạt 88,45%. Phần còn lại 77,701 tỷ đồng chưa xử lý theo kiến nghị của Kiểm toán và 16,704 tỷ đồng đối với kiến nghị của Thanh tra Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục chỉ đạo đơn vị thực hiện theo kiến nghị.

a) Về vấn đề xử lý các nội dung kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 (đối với việc KTNN kiến nghị UBND tỉnh trình và báo cáo HĐND tỉnh):

(1) Kiến nghị UBND tỉnh điều chỉnh sổ kế toán, báo cáo quyết toán: *UBND tỉnh Kiên Giang chỉ đạo các đơn vị được kiểm toán điều chỉnh sổ kế toán, báo cáo quyết toán theo ý kiến kết luận của Kiểm toán Nhà nước; gửi Kiểm toán Nhà nước Báo cáo quyết toán chính thức trình HĐND phê chuẩn, đồng thời thuyết minh rõ số liệu chênh lệch so với số Kiểm toán Nhà nước xác định (nếu có).*

Việc này, Ủy ban nhân dân tỉnh đang trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị điều chỉnh nghị quyết phê chuẩn quyết toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, quyết toán thu chi ngân sách địa phương năm 2020 tại kỳ họp giữa năm 2022.

(2) Kiến nghị khác đối với UBND tỉnh (thuộc lĩnh vực tài chính), gồm các nội dung sau:

- Kiến nghị UBND tỉnh: *báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét cho ý kiến quyết định sử dụng nguồn kinh phí mua sắm xe ô tô chuyên dùng cho các đơn vị số tiền 16,640 tỷ đồng do không được giao dự toán; sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế để bổ sung các nội dung thuộc lĩnh vực chi quản lý Nhà nước, sử dụng nguồn chi khác ngân sách bổ sung kinh phí không thuộc nhiệm vụ*

chi và sử dụng dự phòng ngân sách 2019 chuyển sang chưa đúng quy định số tiền là 8,110 tỷ đồng.

Để thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét cho ý kiến cho phép sử dụng nguồn kinh phí như nêu trên mà Kiểm toán Nhà nước đã kiến nghị.

- Kiến nghị UBND tỉnh: đối với việc chuyển nguồn kinh phí dư hết nhiệm vụ chi: báo cáo HĐND tỉnh đối với nguồn ngân sách địa phương, báo cáo Bộ Tài chính đối với nguồn ngân sách Trung ương xem xét quyết định việc chuyển nguồn số tiền 917,480 tỷ đồng, gồm: tiền ăn trưa cho trẻ em từ 3 – 5 tuổi 8,704 tỷ đồng; kinh phí phòng, chống dịch tả lợn Châu Phi 115 triệu đồng; nguồn dự phòng ngân sách địa phương 301,223 tỷ đồng; tiền bán vé vào cổng casino Phú Quốc 50,866 tỷ đồng; kinh phí huy động đóng góp 5,944 tỷ đồng; kinh phí xây dựng Khu lưu niệm Sở Chỉ huy các lực lượng vũ trang tỉnh Kiên Giang 40 tỷ đồng; kinh phí tinh giản biên chế 42,188 tỷ đồng và kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên 94,513 tỷ đồng; nguồn tăng thu tiền sử dụng đất 249,926 tỷ đồng; nguồn tăng thu xổ số kiến thiết 124 tỷ đồng.

UBND tỉnh đã có văn bản gửi Bộ Tài chính xin ý kiến hướng dẫn các nội dung ngân sách địa phương chi chuyển nguồn năm 2019 sang năm 2020 tại Công văn số 734/UBND-KT ngày 02/6/2021 nhưng đến nay Bộ Tài chính chưa có ý kiến phản hồi.

Đối với kiến nghị báo cáo HĐND tỉnh về việc chuyển nguồn kinh phí dư hết nhiệm vụ chi: UBND tỉnh đã xây dựng phương án sử dụng kinh phí chuyển nguồn cho niên độ ngân sách năm 2022, sau khi có ý kiến của cấp có thẩm quyền, UBND tỉnh sẽ báo cáo, trình Thường trực HĐND tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước. Vì vậy, UBND tỉnh xin báo cáo HĐND tỉnh được biết đối với việc chuyển nguồn kinh phí như nêu trên.

IV. NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Ưu điểm

Nhiệm vụ tài chính - ngân sách Nhà nước năm 2022 được triển khai trong bối cảnh nền kinh tế trong nước được mở cửa trong trạng thái bình thường mới, dịch bệnh Covid-19 cơ bản được kiểm soát, tạo tiền đề quan trọng để phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; các hoạt động văn hóa - xã hội dần trở lại bình thường; tình hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ, du lịch có nhiều chuyển biến tích cực,.... Tuy nhiên, giá cả một số hàng hóa đầu vào tăng, nhất là giá xăng

dầu, nguồn nhân lực lao động thiếu hụt cục bộ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và người dân, giải ngân vốn đầu tư công.

Với sự lãnh đạo chỉ đạo kịp thời của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo sát sao, kịp thời; cùng với sự nỗ lực, quyết tâm phấn đấu cao của cả hệ thống chính trị, của các ngành, các cấp và toàn ngành tài chính, chủ động đề xuất, tập trung thực hiện đầy đủ, đồng bộ các giải pháp tài chính - NSNN đã đề ra; điều hành quyết liệt thu, chi; góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2022.

Kết quả: về thu ngân sách, ước tổng thu ngân sách 6 tháng đầu năm đạt 55,2% so dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao; về chi ngân sách, các nhiệm vụ chi ngân sách 6 tháng đầu năm được thực hiện theo dự toán và tiến độ triển khai nhiệm vụ chuyên môn của các đơn vị sử dụng ngân sách; ưu tiên bố trí cho công tác phòng, chống dịch Covid-19, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, thực hiện các nhiệm vụ chính trị quan trọng, đáp ứng các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý Nhà nước và thanh toán các khoản nợ đến hạn, đảm bảo các nhiệm vụ chi an sinh xã hội.

2. Hạn chế

Mặc dù tổng thu NSNN trên địa bàn 6 tháng đầu năm đạt 55,2% so dự toán HĐND tỉnh, tăng 6,99% so cùng kỳ. Tuy nhiên, thu nội địa còn 08/15 khu vực, sắc thuế đạt dưới 50%, trong đó hai khoản thu lớn từ đất đạt rất thấp so dự toán là tiền sử dụng đất (29,2%) và tiền thuê đất (17,1%), từ đó cho thấy nguồn thu từ đất mang tính không bền vững làm ảnh hưởng đến việc cân đối vốn đầu tư các công trình, dự án đã được bố trí kế hoạch đầu năm. Giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản đạt thấp, 5 tháng chỉ đạt 16,8% kế hoạch, ước 6 tháng đạt 27,52% kế hoạch; chi thường xuyên ở một số lĩnh vực chưa đạt dự toán, nhiều đề tài, dự án, chương trình triển khai, phân bổ kinh phí thực hiện chậm.

C) DỰ KIẾN THU, CHI NGÂN SÁCH CẢ NĂM 2022

I. VỀ THU NGÂN SÁCH

Trên cơ sở thu 6 tháng đầu năm 2022 và rà soát các nguồn thu trên địa bàn. Dự kiến tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn năm 2022 là 11.474 tỷ đồng, đạt 103,9% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 8,3% dự toán Trung ương giao. Bao gồm:

1. Các khoản thu nội địa: 11.409 tỷ đồng, đạt 103,7%. Trong đó, nếu loại trừ tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết thì dự kiến thu nội địa 8.509 tỷ đồng, đạt 105,1%, tương ứng tăng thu 411 tỷ đồng.

a) Dự kiến có 10/15 khu vực, sắc thuế đạt và vượt so với dự toán HĐND, tổng số tăng thu 782 tỷ đồng, cụ thể như sau:

(1) thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: ước thu 360 tỷ đồng, đạt 130,9%, tăng thu 85 tỷ đồng và bằng 155,5% so cùng kỳ.

(2) thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh: 4.170 tỷ đồng, đạt 112,9%, tăng thu 477 tỷ đồng và bằng 117,7% so cùng kỳ.

(3) Lệ phí trước bạ: 480 tỷ đồng, đạt 126,3%, tăng thu 100 tỷ đồng và bằng 135,7% so cùng kỳ.

(4) thuế thu nhập cá nhân: 1.170 tỷ đồng, đạt 111,4%, tăng thu 120 tỷ đồng và bằng 126,6% so cùng kỳ.

(5) thu phí và lệ phí: 170 tỷ đồng, đạt 100% và bằng 107,2% so cùng kỳ.

(6) thu tiền sử dụng đất: 1.300 tỷ đồng, đạt 100% và bằng 142,6% so cùng kỳ.

(7) thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước: 1.109 tỷ đồng, đạt 100% và bằng 53,7% so với cùng kỳ.

(8) tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 40 tỷ đồng, đạt 100% và bằng 84% so cùng kỳ.

(9) thu từ hoạt động xổ số kiến thiết: 1.600 tỷ đồng, đạt 100% và bằng 102,7% so cùng kỳ.

(10) thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 1 tỷ đồng, đạt 100% và bằng 82% so cùng kỳ.

b) Bên cạnh đó, còn 05/15 khu vực, sắc thuế không đạt so với dự toán, tương ứng hụt thu 371 tỷ đồng. Cụ thể từng khu vực, sắc thuế có khả năng không đạt dự toán thu gồm: (1) thu từ doanh nghiệp Nhà nước Trung ương hụt thu 85 tỷ đồng; (2) thu từ doanh nghiệp Nhà nước địa phương hụt thu 10 tỷ đồng; (3) thuế bảo vệ môi trường hụt thu 120 tỷ đồng; (4) thu khác hụt thu 152 tỷ đồng; (5) thu cổ tức, lợi nhuận được chia và lợi nhuận còn lại hụt thu 4 tỷ đồng.

Nguyên nhân chủ yếu khu vực doanh nghiệp Nhà nước Trung ương và doanh nghiệp Nhà nước địa phương không đạt dự toán là do vẫn còn ảnh hưởng của dịch Covid-19 làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh của một số ngành, lĩnh vực chậm phục hồi; lĩnh vực xây dựng cơ bản chậm giải ngân. Bên cạnh đó, do thực hiện các chính sách của Quốc hội và Chính phủ về các giải pháp hỗ trợ

doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh làm giảm nguồn thu năm 2022 khoảng 43 tỷ đồng. Đối với các khoản thu còn lại không đạt dự toán, nguyên nhân như đã trình bày tại nội dung báo cáo tình hình ước thực hiện thu 6 tháng đầu năm.

2. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: ước thu 65 tỷ đồng, đạt 130% so dự toán, tăng 15 tỷ đồng.

II. VỀ CHI NGÂN SÁCH

Dự kiến tổng chi ngân sách địa phương năm 2022 là 15.289,5 tỷ đồng, đạt 99,5% so dự toán HĐND tỉnh giao. Cụ thể như sau:

1. Chi đầu tư phát triển: 5.050,6 tỷ đồng (bao gồm vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu), đạt 98,56%. Bao gồm: vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương 3.856,9 tỷ đồng, đạt 98,12%; vốn đầu tư từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu 1.193,7 tỷ đồng, đạt 100% so dự toán.

2. Chi thường xuyên: 9.948,9 tỷ đồng, đạt 100%, bao gồm: chi cân đối ngân sách địa phương 9.869,4 tỷ đồng; chi sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu 79,5 tỷ đồng.

3. Chi lập quỹ dự trữ tài chính theo dự toán đầu năm: 1,040 tỷ đồng, 100%.

4. Chi dự phòng: 289 tỷ đồng, bằng dự toán đầu năm.

D) MỘT SỐ BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ tài chính - NSNN năm 2022, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu ổn định kinh tế - xã hội, phục hồi và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, cần quán triệt sâu sắc các định hướng, chủ trương lớn theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của cả giai đoạn 2021-2025, các mục tiêu chiến lược tài chính đến năm 2025; Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục chỉ đạo các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp đã được đề ra đầu năm 2022 tại Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh, chủ động trong điều hành thực hiện nhiệm vụ thu, chi năm 2022 theo dự toán đã được HĐND tỉnh quyết nghị và tiếp tục chỉ đạo theo dõi, bám sát tình hình thực tiễn để có phương án chủ động điều hành; phấn đấu đạt mức cao nhất nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2022 đã đề ra, đồng thời 6 tháng cuối năm cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ như sau:

1. Tiếp tục thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 19/01/2022 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022. Song song đó, cần tập trung chỉ đạo, triển khai quyết liệt, hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ và Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội.

2. Về thu ngân sách Nhà nước

Chỉ đạo cơ quan thuế, hải quan rà soát, cân đối nguồn thu, triển khai thu ngay các khoản thu phát sinh, khai thác nguồn thu, thanh tra, kiểm tra chống thất thu; tập trung đẩy mạnh tuyên truyền chính sách gia hạn nộp thuế, nộp tiền thuê đất theo Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ngày 19/4/2021 của Chính phủ về gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2022. Tiếp tục rà soát, theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình sản xuất kinh doanh của người nộp thuế thuộc phạm vi ảnh hưởng của dịch bệnh, tổ chức đánh giá, xác định cụ thể mức độ ảnh hưởng của dịch Covid-19 gây ra đến từng ngành, lĩnh vực, từng người nộp thuế, tổng hợp mức độ ảnh hưởng đến thu ngân sách hàng tháng.

Trên cơ sở đó, dự báo nguồn thu phát sinh từng tháng, quý trên địa bàn và đề xuất các giải pháp đồng bộ, hiệu quả để ứng phó cả trước mắt và lâu dài, tham mưu các giải pháp về chính sách hỗ trợ cho người nộp thuế đang gặp khó khăn do dịch bệnh để kịp thời tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua giai đoạn dịch bệnh, nuôi dưỡng và tạo nguồn tăng thu cho NSNN. Quyết tâm thu đạt và vượt dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh đã giao. Chủ động đề ra các giải pháp, chỉ đạo quyết liệt, liên tục, phấn đấu hoàn thành vượt mức dự toán thu ngân sách Nhà nước được giao trên địa bàn, đặc biệt cần tập trung chỉ đạo thu các khoản thu, sắc thuế còn đạt thấp và đảm bảo thu nội địa trừ tiền sử dụng đất và xổ số kiến thiết đạt dự toán.

Bên cạnh đó, để tạo điều kiện phấn đấu thu đạt dự toán tiền sử dụng đất và tiền thuê đất năm 2022, tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành liên quan, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc, UBND các huyện, thành phố đẩy nhanh tiến độ giao đất, khẩn trương tham mưu trình UBND tỉnh ban hành giá giao đất, cho thuê đất; tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, cho thuê đất; thông báo nghĩa vụ tài chính kịp thời;...



3. Về điều hành chi ngân sách

a) *Về đầu tư xây dựng cơ bản*: UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương đẩy nhanh công tác triển khai thực hiện dự án, lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định của pháp luật, sớm khởi công dự án; chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo đảm tiến độ thi công công trình; khẩn trương hoàn thiện hồ sơ, thanh toán ngay với Kho bạc Nhà nước khi có khối lượng nghiệm thu, không để đọng xây dựng cơ bản, tạo động lực cho phục hồi và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Các huyện, thành phố tiến hành nhập ngay dự toán vào chương trình Tabmis cho các dự án đã bố trí kế hoạch vốn năm 2022 để đảm bảo cho công tác giải ngân vốn được kịp thời, tránh gây ách tắc.

b) *Về chi thường xuyên*: chỉ đạo các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương và đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện chi ngân sách trong phạm vi dự toán ngân sách được giao; cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước tổ chức điều hành ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt. Tiếp tục điều hành chi ngân sách Nhà nước chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, nhất là giảm chi đối với những khoản chi không thực sự cần thiết; đảm bảo nguồn thực hiện các nhiệm vụ chi quan trọng, tập trung nguồn lực ưu tiên cho phòng, chống dịch Covid-19, các nhiệm vụ đột xuất, cấp bách.

Tập trung thực hiện giải ngân tốt nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 và Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019; kinh phí sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; các chương trình, dự án, đề án đã được giao dự toán, nhất là lĩnh vực khoa học công nghệ.

4. Đảm bảo cân đối ngân sách các cấp, điều hành sử dụng dự phòng NSNN triệt để tiết kiệm, chủ động sử dụng dự phòng và nguồn lực tại chỗ để chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh; nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ cần thiết khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp mình mà chưa được dự toán. Rà soát, cắt giảm, giãn các nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết để đảm bảo cân đối ngân sách địa phương.

5. Tập trung triển khai ứng dụng công nghệ và cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính - ngân sách giúp tăng cường hiệu quả, minh bạch trong quản lý tài chính, hướng đến nền tài chính số tiên tiến, hiện đại, phục vụ đắc lực cho nền kinh tế số.

6. Tiếp tục tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả và kịp thời các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn, ôn

định và phát triển thị trường lao động, đảm bảo đời sống an sinh xã hội. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chi hỗ trợ của các địa phương theo đúng quy định của pháp luật.

7. Trong tháng 7 năm 2022, cơ quan tài chính các cấp cùng các ngành tiến hành khảo sát, đánh giá tình hình ước thực hiện ngân sách năm 2022, đồng thời xây dựng dự toán ngân sách năm 2023 theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023 gắn với xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội một cách chi tiết, đảm bảo phục vụ yêu cầu giao kế hoạch ngay từ đầu năm.

Trên đây là báo cáo tình hình ước thực hiện tài chính ngân sách 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh. / *nee*

Nơi nhận:

- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán NN KV V;
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh;
- TV. UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, nknguyen (05b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Nhân

Phụ lục I
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THU NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2022
(Kèm theo Báo cáo số 243 /BC-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021	DỰ TOÁN NĂM 2022		Ước thực hiện 6 tháng năm 2022	Số tăng (+), giảm (-) trong năm	Trong đó		Ước thực hiện cả năm 2022	So sánh (%)			
			Trung ương giao	Hội đồng nhân dân tỉnh giao			Tăng	Giảm		Ước thực hiện 6 tháng so (%)		Ước thực hiện cả năm so (%)	
										Cùng kỳ năm 2021	Dự toán Hội đồng nhân dân	Dự toán Hội đồng nhân dân	Dự toán Trung ương giao
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=6/5	13=10/5	14=10/4
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN (I+II)	5.699.622	10.598.000	11.048.000	6.098.000	426.000	797.000	(371.000)	11.474.000	107,0	55,2	103,9	108,3
I	THU NỘI ĐỊA	5.673.495	10.548.000	10.998.000	6.050.000	411.000	782.000	(371.000)	11.409.000	106,6	55,0	103,74	108,2
	<i>Trong đó: Thu nội địa trừ tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết</i>	<i>4.151.405</i>	<i>8.098.000</i>	<i>8.098.000</i>	<i>4.870.000</i>	<i>411.000</i>	<i>782.000</i>	<i>(371.000)</i>	<i>8.509.000</i>	<i>117,3</i>	<i>60,1</i>	<i>105,1</i>	
1	Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương	246.656	490.000	490.000	220.000	(85.000)	-	(85.000)	405.000	89,2	44,9	82,7	
2	Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương	97.456	205.000	205.000	100.000	(10.000)	-	(10.000)	195.000	102,6	48,8	95,1	
3	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	137.868	275.000	275.000	274.000	85.000	85.000	-	360.000	198,7	99,6	130,9	
4	Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh	1.802.814	3.693.000	3.693.000	2.745.000	477.000	477.000	-	4.170.000	152,3	74,3	112,9	112,9
5	Lệ phí trước bạ	215.949	380.000	380.000	255.000	100.000	100.000	-	480.000	118,1	67,1	126,3	126,3
6	Thuế thu nhập cá nhân	605.515	1.050.000	1.050.000	725.000	120.000	120.000	-	1.170.000	119,7	69,0	111,4	111,4
7	Thu phí và lệ phí	106.778	170.000	170.000	96.000	-	-	-	170.000	89,9	56,5	100,0	100,0
8	Thuế bảo vệ môi trường	273.642	280.000	280.000	97.000	(120.000)	-	(120.000)	160.000	35,4	34,6	57,1	57,1
9	Thu tiền sử dụng đất	359.576	1.000.000	1.300.000	380.000	-	-	-	1.300.000	105,7	29,2	100,0	130,0
10	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	399.078	1.000.000	1.109.000	190.000	-	-	-	1.109.000	47,6	17,1	100,0	110,9
11	Thu khác	223.972	499.000	390.000	146.250	(152.000)	-	(152.000)	238.000	65,3	37,5	61,0	47,7
12	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	28.999	40.000	40.000	21.000	-	-	-	40.000	72,4	52,5	100,0	100,0
13	Thu cổ tức, lợi nhuận được chia và lợi nhuận còn lại	11.987	15.000	15.000	400	(4.000)	-	(4.000)	11.000	3,3	2,7	73,3	73,3

STT	Nội dung	THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021	DỰ TOÁN NĂM 2022		Ước thực hiện 6 tháng năm 2022	Số tăng (+), giảm (-) trong năm	Trong đó		Ước thực hiện cả năm 2022	So sánh (%)			
			Trung ương giao	Hội đồng nhân dân tỉnh giao			Tăng	Giảm		Ước thực hiện 6 tháng so (%)		Ước thực hiện cả năm so (%)	
										Cùng kỳ năm 2021	Dự toán Hội đồng nhân dân	Dự toán Hội đồng nhân dân	Dự toán Trung ương giao
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=6/5	13=10/5	14=10/4
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.162.514	1.450.000	1.600.000	800.000	-	-	-	1.600.000	68,8	50,0	100,0	110,3
15	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	691	1.000	1.000	350	-	-	-	1.000	50,7	35,0	100,0	100,0
II	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT, NHẬP KHẨU	26.127	50.000	50.000	48.000	15.000	15.000	-	65.000	183,7	96,0	130,0	130,0



Phụ lục II
TÌNH HÌNH CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 243/BC-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Dự toán năm 2022		Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước thực hiện cả năm 2022	Tăng (giảm) tuyệt đối	So sánh (%)		
		Số Trung ương giao	Hội đồng nhân dân tỉnh giao				Ước thực hiện 6 tháng so dự toán HĐND tỉnh năm 2022	Ước thực hiện cả năm 2022 so Dự toán HĐND tỉnh năm 2022	Dự toán Trung ương giao năm 2022
1	2	3	4	5	6	7=6-4	8=5/4	9=6/4	10=6/3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	14.913.341	15.363.341	5.940.651	15.289.549	(73.792)	38,67	99,5	102,8
	<i>Trong đó: - Vốn đầu tư phát triển</i>	<i>4.674.419</i>	<i>5.124.419</i>	<i>1.410.226</i>	<i>5.050.627</i>	<i>(73.792)</i>	<i>27,52</i>	<i>98,56</i>	<i>108,2</i>
	<i>- Vốn sự nghiệp</i>	<i>9.965.302</i>	<i>9.948.899</i>	<i>4.453.785</i>	<i>9.948.899</i>	<i>-</i>	<i>44,8</i>	<i>100,0</i>	<i>99,8</i>
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	13.640.095	14.090.095	5.537.735	14.016.303	(73.792)	39,3	99,5	102,8
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	3.480.690	3.930.690	1.039.117	3.856.898	(73.792)	26,4	98,12	110,8
1	Vốn trong nước	1.019.590	1.019.590	327.269	999.538	(20.052)	32,10	98,03	98,0
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.000.000	1.300.000	190.858	1.246.290	(53.710)	14,68	95,87	124,6
3	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.450.000	1.600.000	509.890	1.599.970	(30)	31,87	100,00	110,3
4	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	11.100	11.100	11.100	11.100	-	100,00	100,00	100,0
II	CHI THƯỜNG XUYÊN	9.885.785	9.869.382	4.421.978	9.869.382	-	44,8	100,0	99,8
	<i>Trong đó:</i>								
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.737.095	3.757.094	1.648.317	3.757.094	-	43,9	100,0	100,5
2	Chi sự nghiệp y tế	1.041.466	1.132.887	598.892	1.132.887	-	52,9	100,0	108,8
3	Chi quản lý hành chính Nhà nước, Đảng, đoàn thể	1.256.691	1.642.623	813.672	1.642.623	-	49,5	100,0	130,7

STT	CHỈ TIÊU	Dự toán năm 2022		Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước thực hiện cả năm 2022	Tăng (giảm) tuyệt đối	So sánh (%)		
		Số Trung ương giao	Hội đồng nhân dân tỉnh giao				Ước thực hiện 6 tháng so dự toán HĐND tỉnh năm 2022	Ước thực hiện cả năm 2022 so	
								Dự toán HĐND tỉnh năm 2022	Dự toán Trung ương giao năm 2022
1	2	3	4	5	6	7=6-4	8=5/4	9=6/4	10=6/3
4	Chi quốc phòng - an ninh	355.355	293.908	159.294	293.908	-	54,2	100,0	82,7
5	Chi khoa học và công nghệ	35.652	55.860	16.139	55.860	-	28,9	100,0	156,7
6	Chi sự nghiệp kinh tế	1.818.424	1.938.737	599.773	1.938.737	-	30,9	100,0	106,6
7	Chi sự nghiệp môi trường	91.226	270.750	76.802	270.750	-	28,4	100,0	296,8
III	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH	1.040	1.040		1.040	-	0,0	100,0	100,0
IV	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	272.580	288.983	76.640	288.983	-	26,5	100,0	106,0
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	1.273.246	1.273.246	402.916	1.273.246	-	31,6	100,0	100,0
I	VỐN ĐẦU TƯ	1.193.729	1.193.729	371.109	1.193.729	-	31,1	100,0	100,0
1	Đầu tư các dự án từ nguồn vốn ngoài nước	99.011	99.011	33.500	99.011	-	33,8	100,0	100,0
2	Đầu tư dự án từ nguồn vốn trong nước	1.094.718	1.094.718	337.609	1.094.718	-	30,8	100,0	100,0
II	VỐN SỰ NGHIỆP	79.517	79.517	31.807	79.517	0	40,0	100,0	100,0
1	Vốn ngoài nước	3.200	3.200	1.280	3.200	-		100,0	100,0
2	Vốn trong nước	76.317	76.317	30.527	76.317	-		100,0	100,0
B	CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG		-						
I	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐƯỢC SỬ DỤNG	14.902.241	15.352.241	-	15.946.251	-			
1	Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp	10.264.510	10.714.510		11.308.520				
2	Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương	4.637.731	4.637.731	-	4.637.731	-			
2.1	Thu bổ sung cân đối	3.364.485	3.364.485		3.364.485				
2.2	Thu bổ sung có mục tiêu	1.273.246	1.273.246		1.273.246				

STT	CHỈ TIÊU	Dự toán năm 2022		Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước thực hiện cả năm 2022	Tăng (giảm) tuyệt đối	So sánh (%)		
		Số Trung ương giao	Hội đồng nhân dân tỉnh giao				Ước thực hiện 6 tháng so dự toán HĐND tỉnh năm 2022	Ước thực hiện cả năm 2022 so	
								Dự toán HĐND tỉnh năm 2022	Dự toán Trung ương giao năm 2022
1	2	3	4	5	6	7=6-4	8=5/4	9=6/4	10=6/3
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	14.913.341	15.363.341		15.289.549				
III	BỘI THU (BỘI CHI) NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	(11.100)	(11.100)		656.702				
*	CHI TRẢ NỢ GỐC	13.300	13.300		13.300				
	<i>Trong đó</i>								
-	Từ nguồn vay lại của Chính phủ (vay để trả nợ gốc)	13.300	13.300		13.300				
-	Từ nguồn bội thu ngân sách địa phương								

